

THÔNG TƯ

Quy định Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Loài cây trồng lâm nghiệp chính* là những loài cây lấy gỗ và lâm sản ngoài gỗ đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

2. *Giống cây trồng lâm nghiệp chính* là giống của các loài cây trồng lâm nghiệp chính.

3. *Nguồn giống* là nơi cung cấp vật liệu nhân giống bao gồm: lâm phần

tuyển chọn, rừng giống chuyển hóa, rừng giống trồng, vườn giống, cây trội và vườn cây đầu dòng.

4. *Lâm phần tuyển chọn* là khu rừng tự nhiên hoặc rừng trồng có chất lượng trên mức trung bình, được chọn để cung cấp giống tạm thời cho sản xuất, nhưng chưa được tác động bằng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh hoặc chưa qua đánh giá để công nhận là rừng giống chuyển hóa.

5. *Rừng giống chuyển hóa* là rừng giống được chọn từ những lâm phần tốt nhất trong rừng tự nhiên hoặc rừng trồng được tác động bằng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh theo quy định để lấy giống.

6. *Rừng giống trồng* là rừng giống được trồng bằng cây gieo ươm từ hạt thu hái từ cây trội và trồng không theo sơ đồ.

7. *Vườn giống* là vườn được trồng theo sơ đồ nhất định từ các dòng vô tính (vườn giống vô tính) hoặc từ hạt của cây trội (vườn giống hữu tính) đã được tuyển chọn và công nhận.

8. *Cây trội (cây mẹ)* là cây tốt nhất được tuyển chọn trong rừng tự nhiên, rừng trồng, cây trồng phân tán, rừng giống hoặc vườn giống được sử dụng để lấy vật liệu nhân giống.

9. *Cây đầu dòng* là cây có năng suất, chất lượng cao và ổn định, có khả năng chống chịu sâu bệnh hại và điều kiện bất lợi tốt hơn các cây khác trong quần thể một giống được công nhận qua khảo nghiệm dòng vô tính để cung cấp vật liệu nhân giống vô tính.

10. *Vườn cây đầu dòng* là vườn cây được trồng bằng cây giống vô tính nhân từ cây đầu dòng để cung cấp vật liệu sản xuất giống vô tính.

11. *Vật liệu giống* là cây giống để trồng rừng hoặc vật liệu nhân giống.

12. *Vật liệu nhân giống* là hạt giống, cây hoàn chỉnh hoặc bộ phận của chúng được sử dụng sản xuất ra cây giống.

13. *Khảo nghiệm giống* là quá trình theo dõi, đánh giá trong điều kiện và thời gian nhất định nhằm xác định năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu sâu bệnh hại và điều kiện bất lợi của giống.

14. *Trồng sản xuất thử nghiệm* là việc trồng thử trên một đơn vị diện tích và thời gian nhất định để đánh giá năng suất, chất lượng của giống trồng sản xuất thử nghiệm so với giống đối chứng.

15. *Loài cây sinh trưởng nhanh* là những loài cây đạt lượng tăng trưởng

đường kính bình quân hàng năm từ 02 cm/năm trở lên hoặc năng suất bình quân trong một chu kỳ kinh doanh đạt từ 10 m³/ha/năm trở lên.

16. *Loài cây sinh trưởng chậm* là những loài cây đạt lượng tăng trưởng đường kính bình quân hàng năm dưới 02 cm/năm hoặc năng suất bình quân trong một chu kỳ kinh doanh dưới 10 m³/ha/năm.

Chương II **LOÀI CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CHÍNH**

Điều 4. Tiêu chí loài cây trồng lâm nghiệp chính

1. Có giống và nguồn giống đã được công nhận, đáp ứng nhu cầu và mục đích trồng rừng.
2. Có diện tích trồng rừng tập trung từ 02 vùng sinh thái trở lên.

Điều 5. Danh mục và sửa đổi, bổ sung Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính

1. Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính ban hành kèm theo Phụ lục I của Thông tư này.
2. Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính được sửa đổi, bổ sung khi có loài đáp ứng tiêu chí để bổ sung vào Danh mục hoặc đưa ra khỏi Danh mục đối với loài không đáp ứng tiêu chí theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.
3. Tổng cục Lâm nghiệp trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định sửa đổi, bổ sung Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính.

Chương III **CÔNG NHẬN GIỐNG VÀ NGUỒN GIỐNG; QUẢN LÝ VẬT LIỆU** **GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CHÍNH**

Mục 1 **CÔNG NHẬN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP**

Điều 6. Tiêu chí công nhận giống cây trồng lâm nghiệp

1. Giống đã qua khảo nghiệm hoặc trồng sản xuất thử nghiệm theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Thông tư này.
2. Kết quả khảo nghiệm đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia về giống được công nhận hoặc kết quả trồng sản xuất thử nghiệm có năng suất, chất lượng tương đương trở lên so với giống cùng loài hoặc nhóm loài đã công nhận được trồng cùng vùng sinh thái.

3. Được Tổng cục Lâm nghiệp đề nghị công nhận.

Điều 7. Khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp

1. Đối tượng khảo nghiệm: giống cây trồng lâm nghiệp chọn tạo trong nước; giống cây trồng lâm nghiệp chưa được công nhận, nhập khẩu lần đầu.

2. Hình thức khảo nghiệm: khảo nghiệm loài, khảo nghiệm xuất xứ, khảo nghiệm hậu thế, khảo nghiệm dòng vô tính.

3. Nội dung khảo nghiệm bao gồm: khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng (khảo nghiệm VCU) để đánh giá năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu sâu bệnh hại và điều kiện bất lợi theo các tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm.

Điều 8. Trồng sản xuất thử nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp

1. Đối tượng trồng sản xuất thử nghiệm: giống cây bản địa, giống cây trồng lâm nghiệp chưa được công nhận, nhập khẩu lần đầu có năng suất, chất lượng cao tại nước xuất khẩu, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và phù hợp với điều kiện sinh thái nơi trồng sản xuất thử nghiệm.

2. Diện tích trồng sản xuất thử nghiệm từ 02 ha đến 05 ha.

3. Thời gian đánh giá kết quả sản xuất thử nghiệm: cây sinh trưởng nhanh là 03 năm; cây sinh trưởng chậm là 06 năm; cây lâm sản ngoài gỗ có sản phẩm được thu hoạch trong 02 vụ kế tiếp.

Điều 9. Trình tự, thủ tục công nhận giống cây trồng lâm nghiệp

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống cây trồng lâm nghiệp.

2. Hồ sơ đề nghị công nhận giống cây trồng lâm nghiệp:

a) Văn bản đề nghị công nhận giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo kết quả khảo nghiệm giống hoặc trồng sản xuất thử nghiệm theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Hồ sơ, tài liệu đối với giống nhập khẩu gồm các thông tin về năng suất, chất lượng, điều kiện sinh thái nơi trồng hoặc nơi khảo nghiệm tại nước xuất khẩu.

3. Cách thức nộp hồ sơ: tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

4. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu công nhận giống cây trồng lâm nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Tổng cục Lâm nghiệp. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Lâm nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Lâm nghiệp thành lập Hội đồng thẩm định, tiến hành thẩm định hồ sơ, thực hiện kiểm tra hiện trường, lập báo cáo thẩm định trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hội đồng thẩm định gồm đại diện chuyên gia, nhà khoa học, cơ quan quản lý;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công nhận giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 03 Phụ lục II và Mục A Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này; trả kết quả cho tổ chức, cá nhân hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không công nhận và nêu rõ lý do.

Điều 10. Hủy bỏ quyết định công nhận giống cây trồng lâm nghiệp

1. Quyết định công nhận giống cây trồng lâm nghiệp bị hủy bỏ trong các trường hợp sau:

a) Giống bị thoái hóa, suy giảm về năng suất, chất lượng so với tiêu chuẩn quốc gia về giống được công nhận;

b) Giống không đáp ứng nhu cầu và mục đích trồng rừng.

2. Tổng cục Lâm nghiệp tổ chức đánh giá và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hủy bỏ quyết định công nhận giống cây lâm nghiệp; thông báo cho chủ sở hữu giống và các cơ quan liên quan.

Mục 2

CÔNG NHẬN NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Điều 11. Tiêu chí công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp

1. Đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia về nguồn giống được công nhận.